

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-ST
Ngày: 30/6/2020.
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dục.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-DS ngày 28/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-DS ngày 14/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2020/QĐST-DS ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT;

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1973, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần N, sinh năm 1994, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP SGTT (văn bản ủy quyền số 2599/2020/UQ-TTT ngày 10/02/2020), vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Minh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố 3, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Trần Hoàng Nam đại diện trình bày:

Ngày 19/11/2012, ông Lê Minh N và Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, theo đó căn cứ vào thu nhập của ông N, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho ông N, lãi suất 2.5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 11.800.000đ (mười một triệu tám trăm nghìn đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ

ngày kích hoạt thẻ ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.100.000đ (mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng ông N không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 23/6/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông N là 7.676.307đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng) sang nợ quá hạn theo Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 21/4/2020, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền là 24.611.482đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 7.676.307đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 16.935.175đ (mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng). Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 22/4/2020 cho đến khi ông N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Minh N vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT. Về án phí ông Lê Minh N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Lê Minh N có địa chỉ cư trú tại số khu phố 3, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Ngày 19/11/2012, ông N và Ngân hàng ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên

tham gia hợp đồng. Nguyên đơn là tổ chức tín dụng, bị đơn là cá nhân nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 19/11/2012, giữa ông Lê Minh N và Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng”, theo đó Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 970403-3805 cho ông N, hạn mức tín dụng là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2.5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã thông báo cho ông N về việc vi phạm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT để ông N thanh toán nợ nhưng ông N không thực hiện.

Ngày 23/6/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông N là 7.676.307đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng) sang nợ quá hạn với lãi suất là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại là phù hợp với quy định mà các bên đã thỏa thuận theo Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

Tính đến ngày 21/4/2020, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền là 24.611.482đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 7.676.307đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 16.935.175đ (mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Căn cứ quy định tại các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Ấn lệ số 08/2016/AL, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT, buộc ông N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 21/4/2020 là 24.611.482đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 7.676.307đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 16.935.175đ (mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 22/4/2020 ông Lê Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Về án phí: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.230.574 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc ông Lê Minh N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tính đến ngày 21/4/2020 là 24.611.482đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 7.676.307đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 16.935.175đ (mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 22/4/2020 ông Lê Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Ông Lê Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.230.574đ (một triệu hai trăm ba mươi nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí 586.000đ (năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008509 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP SGTT và ông Lê Minh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Viết Dục